

BỘ NỘI VỤ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4361/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN “XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG”

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” (sau đây gọi tắt tiếng Việt là Chỉ số CCHC, tiếng Anh là PAR INDEX), với các nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

Xác định Chỉ số CCHC để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi tắt là bộ), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng được Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp bộ, cấp tỉnh theo đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của các bộ, các tỉnh.

- Xác định được thang điểm, phương pháp đánh giá cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần, từ đó xác định được Chỉ số CCHC của từng bộ, từng tỉnh.

- Xây dựng được bộ câu hỏi điều tra xã hội học theo từng nhóm đối tượng điều tra, khảo sát.

- Hàng năm tổ chức triển khai xác định, công bố Chỉ số CCHC của các bộ, các tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Chỉ số CCHC phải bám sát nội dung Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

b) Chỉ số CCHC phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các bộ, các tỉnh và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh.

c) Tăng cường sự tham gia đánh giá của cá nhân, tổ chức đối với quá trình triển khai cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh.

d) Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương tới địa phương.

3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng:

Các bộ, cơ quan ngang bộ (trừ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Văn phòng Chính phủ), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

II. NỘI DUNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Chỉ số CCHC cấp bộ

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp bộ:

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp bộ được cấu trúc thành 2 nhóm:

- Nhóm I: Đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính của bộ, gồm 7 lĩnh vực, 32 tiêu chí và 56 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

+ Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 6 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ: 5 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách thủ tục hành chính: 6 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 3 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;

+ Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức: 7 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách tài chính công: 2 tiêu chí và 2 tiêu chí thành phần;

+ Hiện đại hoá hành chính: 3 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;

- Nhóm II: Đánh giá tác động của cải cách hành chính, gồm 28 tiêu chí, được phân loại theo 6 nội dung tác động của cải cách hành chính, cụ thể là:

+ Tác động đến thể chế, cơ chế chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ: 6 tiêu chí;

+ Tác động đến chất lượng quy định thủ tục hành chính: 4 tiêu chí;

+ Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính: 4 tiêu chí;

+ Tác động đến đội ngũ công chức của bộ: 6 tiêu chí;

+ Tác động đến quản lý tài chính công: 3 tiêu chí;

+ Tác động đến hiện đại hóa hành chính: 5 tiêu chí.

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp bộ được nêu chi tiết tại Bảng 1 (kèm theo Quyết định này).

b) Thang điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá của Chỉ số CCHC là 100.

- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 38/100.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Bảng 1.

c) Phương pháp đánh giá:

- Tự đánh giá của các bộ:

+ Các bộ tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của bộ và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC cấp bộ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Điểm các bộ tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Bảng 1;

+ Điểm tự đánh giá của các bộ được Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết. Kết quả điểm do Bộ Nội vụ quyết định được thể hiện tại cột “BNV đánh giá” của Bảng 1.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:

+ Số tiêu chí đánh giá qua điều tra xã hội học là 28, được thể hiện tại cột “Ghi chú” của Bảng 1. Việc điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau, do Bộ Nội vụ quy định;

+ Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Chỉ số CCHC cấp bộ;

+ Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Điều tra XHH” của Bảng 1.

d) Tính toán, xác định Chỉ số CCHC cấp bộ:

- Tổng hợp điểm đánh giá qua điều tra xã hội học và điểm Bộ Nội vụ đánh giá được thể hiện tại cột “Điểm đạt được”.

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa (100 điểm). Chỉ số CCHC của bộ được thể hiện ở dòng cuối cùng của Bảng 1.

- Các chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí, được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, tiêu chí.

2. Chỉ số CCHC cấp tỉnh

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh:

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh được cấu trúc thành 2 nhóm:

- Nhóm I: Đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính của tỉnh, gồm 8 lĩnh vực, 32 tiêu chí và 64 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

+ Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 5 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh: 4 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách thủ tục hành chính: 4 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 3 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;

+ Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 8 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách tài chính công: 2 tiêu chí và 4 tiêu chí thành phần;

+ Hiện đại hoá hành chính: 3 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;

+ Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: 3 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần.

- Nhóm II: Đánh giá tác động của cải cách hành chính, gồm 27 tiêu chí, được phân loại theo 8 nội dung tác động của cải cách hành chính, cụ thể là:

+ Tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: 2 tiêu chí;

+ Tác động đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh: 4 tiêu chí;

+ Tác động đến tình hình giải quyết thủ tục hành chính: 4 tiêu chí;

+ Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính: 3 tiêu chí;

+ Tác động đến đội ngũ công chức giải quyết thủ tục hành chính: 4 tiêu chí;

- + Tác động đến quản lý tài chính công: 3 tiêu chí;
- + Tác động đến hiện đại hóa hành chính: 4 tiêu chí;
- + Tác động đến chất lượng cung cấp dịch vụ công: 3 tiêu chí.

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh được nêu chi tiết tại Bảng 2 (kèm theo Quyết định này).

b) Thang điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá là 100.
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 32,5/100.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Bảng 2.

c) Phương pháp đánh giá:

- Tự đánh giá của các tỉnh:

+ Các tỉnh tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC cấp tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Điểm các tỉnh tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Bảng 2;

+ Điểm tự đánh giá của các tỉnh được Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết. Kết quả điểm do Bộ Nội vụ quyết định được thể hiện tại cột “BNV đánh giá” của Bảng 2.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:

+ Số tiêu chí đánh giá qua điều tra xã hội học là 24, được thể hiện tại cột “Ghi chú” của Bảng 2. Việc điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau, do Bộ Nội vụ quy định;

+ Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Chỉ số CCHC cấp tỉnh;

+ Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Điều tra XHH” của Bảng 2.

d) Tính toán, xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh:

- Tổng hợp điểm đánh giá qua điều tra xã hội học và điểm Bộ Nội vụ đánh giá, được thể hiện tại cột “Điểm đạt được”.

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa (100 điểm). Chỉ số CCHC của tỉnh được thể hiện ở dòng cuối cùng của Bảng 2.

- Chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, tiêu chí.

III. GIẢI PHÁP

1. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo điều hành của các ngành, các cấp đối với việc xác định Chỉ số CCHC

- Chỉ đạo việc thực hiện các nội dung cải cách hành chính một cách nghiêm túc, có hiệu quả theo kế hoạch cải cách hành chính hàng năm.

- Chỉ đạo việc thực hiện công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính một cách thường xuyên, liên tục, bảo đảm trung thực, khách quan trong việc tổng hợp, thống kê, đánh giá, báo cáo các kết quả cải cách hành chính.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về Chỉ số CCHC

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về mục tiêu, nội dung, kết quả Chỉ số CCHC hàng năm dưới nhiều hình thức khác nhau (hội nghị, hội thảo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng...) nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và tăng cường sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quá trình theo dõi, đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị hành chính

- Các bộ, các tỉnh: Phân công nhiệm vụ cho công chức thực hiện cải cách hành chính triển khai công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của bộ, tỉnh một cách thường xuyên, liên tục. Tổng hợp, đánh giá một cách khách quan, trung thực kết quả cải cách hành chính đạt được hàng năm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Chỉ số CCHC.

- Các bộ chủ trì các nội dung cải cách hành chính theo phân công tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 225/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả triển khai cải cách hành chính đối với lĩnh vực được giao phụ trách, để hàng năm phối hợp với Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan liên quan trong việc thẩm định, đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm kinh phí cho công tác xác định Chỉ số CCHC

- Xây dựng phần mềm đánh giá chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC một cách chính xác, khách quan. Xây dựng cơ sở dữ liệu về Chỉ số CCHC để bảo đảm tính hệ thống trong công tác theo dõi, đánh giá của các cơ quan hành chính. Nghiên cứu các hình thức tổ chức điều tra xã hội học một cách phù hợp, trong đó có hình thức điều tra trực tuyến để lấy ý kiến người dân, tổ chức về kết quả cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh.

- Bố trí đủ kinh phí cho việc thực hiện xác định Chỉ số CCHC hàng năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

a) Bộ Nội vụ:

- Vụ Cải cách hành chính:

+ Xây dựng trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn các bộ, các tỉnh triển khai việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của bộ, tỉnh;

+ Hàng năm xây dựng kế hoạch kèm theo dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC, chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

+ Tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh về công tác theo dõi, đánh giá và xác định Chỉ số CCHC;

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về Chỉ số CCHC trong kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm;

+ Theo dõi, đôn đốc các bộ, các tỉnh triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC;

+ Nghiên cứu, xác định đối tượng điều tra xã hội học và xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học phù hợp với từng nhóm đối tượng; xác định quy mô mẫu điều tra xã hội học;

+ Xác định phương thức tổ chức điều tra xã hội học phù hợp với điều kiện thực tế; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện điều tra xã hội học phục vụ cho việc xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các bộ, các tỉnh;

+ Tổng hợp, xử lý số liệu để xác định Chỉ số CCHC và xây dựng báo cáo kết quả Chỉ số CCHC;

+ Trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC hàng năm của các bộ, các tỉnh;

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công bố Chỉ số CCHC hàng năm;

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng và triển khai áp dụng phần mềm báo cáo chấm điểm điện tử để triển khai áp dụng từ năm 2018;

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát nội dung Chỉ số CCHC để trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế.

- Vụ Kế hoạch - Tài chính:

Phối hợp với Vụ Cải cách hành chính lập dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC để tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Nội vụ và gửi Bộ Tài chính theo quy định.

- Các đơn vị khác thuộc Bộ:

Theo chức năng của đơn vị, phối hợp với Vụ Cải cách hành chính thực hiện các nhiệm vụ trong triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm.

b) Các bộ, các tỉnh:

- Triển khai việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của bộ, tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo tự chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của bộ, tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc tổ chức điều tra xã hội học để xác định Chỉ số CCHC của bộ, tỉnh.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ: Tài chính; Tư pháp; Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng Chính phủ phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc theo dõi, đánh giá cải cách hành chính đối với từng lĩnh vực cải cách theo phân công của Chính phủ.

- Các bộ, các tỉnh căn cứ vào Chỉ số CCHC được phê duyệt tại Quyết định này, xây dựng và đưa vào triển khai Chỉ số CCHC áp dụng trong nội bộ của bộ, tỉnh phục vụ cho công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc phù hợp với điều kiện thực tế của bộ, tỉnh để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính.

2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

b) Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc TW;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Trọng Thừa

- Lưu: VT, CCHC.

BẢNG 1

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA BỘ	62						
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	10,5						
1.1	Kế hoạch CCHC năm	2						
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)	0,5						
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0</i>							
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	0,5						
	<i>Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: 0,5</i>							
	<i>Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: 0</i>							
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>							

	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>							
1.2	<i>Thực hiện công tác báo cáo CCHC</i>	2						
1.2.1	Báo cáo CCHC định kỳ	1						
	<i>Đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội dung và thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 1</i>							
	<i>Không đáp ứng yêu cầu về số lượng hoặc nội dung hoặc thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 0</i>							
1.2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC	1						
	<i>Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định: 1</i>							
	<i>Điểm tự chấm sai số không quá 3% so với kết quả thẩm định: 0,5</i>							
	<i>Điểm tự chấm sai số trên 3% so với kết quả thẩm định: 0</i>							
1.3	<i>Kiểm tra công tác CCHC</i>	2						
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương) được kiểm tra trong năm	1						
	<i>Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1</i>							
	<i>Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát	1						

	hiện qua kiểm tra							
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2						
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>							
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1						
	<i>Thực hiện tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thống: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0,5</i>							
1.5	Sáng kiến trong cải cách hành chính	1						

	<i>Có sáng kiến mới trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của bộ trong năm: 1</i>							
	<i>Không có sáng kiến: 0</i>							
1.6	<i>Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm</i>	1,5						
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao: 1,5</i>							
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 1</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao: 0</i>							
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ	10,5						
2.1	<i>Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ</i>	3						
2.1.1	<i>Xây dựng VBQPPL trong năm theo chương trình xây dựng pháp luật đã được phê duyệt</i>	2						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2</i>							
	<i>Hoàn thành từ 90% - dưới 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 90% kế hoạch: 0</i>							

2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	1						
	<i>100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 1</i>							
	<i>Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0</i>							
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật	2,5						
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của bộ	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>							
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0,5						
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i>							
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>							
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1						
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số</i>							

	<i>vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
2.3	<i>Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL</i>	1,5						
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5						
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i>							
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>							
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1						
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							

2.4	Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật	1,5						
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0,5						
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i>							
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>							
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
2.5	Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	2						
2.5.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0</i>							
2.5.2	Kiểm tra việc thực hiện	1						

	kết luận thanh tra							
	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	10,5						
3.1	<i>Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)</i>	<i>1,5</i>						
3.1.1	Tỷ lệ TTHC do bộ tham mưu ban hành được gửi lấy ý kiến cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình dự thảo theo quy định	1						
	<i>100% số TTHC ban hành trong năm đã được gửi lấy ý kiến: 1</i>							
	<i>Từ 90% - dưới 100% số TTHC ban hành trong năm đã được gửi lấy ý kiến: 0,5</i>							
	<i>Dưới 90% số TTHC ban hành trong năm đã được gửi lấy ý kiến: 0</i>							
3.1.2	Tỷ lệ TTHC được ban hành trong năm đã được đánh giá tác động	0,5						
	<i>100% số TTHC: 0,5</i>							
	<i>Dưới 100% số TTHC: 0</i>							
3.2	<i>Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính</i>	<i>2</i>						
3.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% -</i>							

	<i>dưới 85% kế hoạch: 0,25</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>							
3.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1						
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
3.3	<i>Công bố, cập nhật thủ tục hành chính</i>	2						
3.3.1	Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	1						
	<i>Công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 1</i>							
	<i>Công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0</i>							
3.3.2	Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia	1						
	<i>Kịp thời: 1</i>							
	<i>Không kịp thời: 0</i>							
3.4	<i>Công khai thủ tục hành chính</i>	2						
3.4.1	Niêm yết công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC thuộc bộ	1						
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>							
3.4.2	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	1						

	được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của bộ							
	<i>100% số TTHC: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số TTHC: 0</i>							
3.5	<i>Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định</i>	1,5						
	<i>100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 1,5</i>							
	<i>Dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</i>							
3.6	<i>Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ</i>	1,5						
3.6.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	0,5						
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0,5</i>							
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>							
3.6.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	1						
	<i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							

	<i>Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	6,5						
4.1	<i>Tuân thủ các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy</i>	1,5						
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1,5</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0</i>							
4.2	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương)	2						
4.2.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương) được kiểm tra trong năm	1						
	<i>Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1</i>							
	<i>Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
4.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử</i>							

	<i>lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
4.3	<i>Thực hiện phân cấp quản lý</i>	3						
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ ban hành	1						
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>							
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ đã phân cấp cho địa phương	1						
	<i>Có thực hiện: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1						
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							

5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	10,5						
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2						
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của bộ thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1						
	<i>100% số cơ quan, tổ chức: 1</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức: 0,5</i>							
	<i>Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, tổ chức: 0,25</i>							
	<i>Dưới 60% số cơ quan, tổ chức: 0</i>							
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc bộ thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1						
	<i>100% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Dưới 60% số đơn vị: 0</i>							
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	2						
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương)	1						

	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ	1						
	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của bộ	1						
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	0,5						
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0,5						
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp vụ và tương đương	1						
	<i>100% số lãnh đạo cấp vụ và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số lãnh đạo cấp vụ và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0</i>							
5.5	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1						
	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							

5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch tình giảm biên chế trong năm	2						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>							
5.7	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	1,5						
5.7.1	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	0,5						
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>							
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	3						
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1						
	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	2						

	<i>tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ</i>							
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1						
	<i>100% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>							
6.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	1						
	<i>100% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>							
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	10,5						
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của bộ	4,5						
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>							
7.1.2	Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của bộ	1						
	<i>Đã ban hành và duy trì, cập nhật theo quy định: 1</i>							
	<i>Đã ban hành nhưng không duy trì, cập nhật theo quy định: 0,5</i>							

	<i>Chưa ban hành Kiến trúc: 0</i>							
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc bộ dưới dạng điện tử	1						
	<i>Từ 80% số văn bản trở lên: 1</i>							
	<i>Từ 60% - dưới 80% số văn bản: 0,5</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 60% số văn bản: 0,25</i>							
	<i>Dưới 50% số văn bản: 0</i>							
7.1.4	Áp dụng hình thức thi trên máy tính trong các kỳ thi tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức	1						
	<i>Đã áp dụng: 1</i>							
	<i>Chưa áp dụng: 0</i>							
7.1.5	Tỷ lệ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc bộ sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trong xử lý công việc	0,5						
	<i>100% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Dưới 80% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 0</i>							
7.2	<i>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</i>	3,5						
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1,5						

	<i>Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5</i>							
	<i>Từ 30% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 1</i>							
	<i>Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0,5</i>							
	<i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0</i>							
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1,5						
	<i>Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5</i>							
	<i>Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 1</i>							
	<i>Từ 10% - dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0,5</i>							
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0</i>							
7.2.3	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	0,5						
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
7.3	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008	2,5						
7.3.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 tại cơ quan bộ	0,5						
	<i>Có ban hành: 0,5</i>							
	<i>Không ban hành: 0</i>							

7.3.2	Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ (Cục, Tổng cục và tương đương) đã công bố hệ thống quản lý chất lượng ISO tại đơn vị	1						
	<i>100% số cơ quan: 1</i>							
	<i>Từ 90% - dưới 100% số cơ quan: 0,5</i>							
	<i>Dưới 90% số cơ quan: 0</i>							
7.3.3	Tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định	1						
	<i>100% số cơ quan: 1</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan: 0,5</i>							
	<i>Dưới 80% số cơ quan: 0</i>							
II	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	38						
1	Tác động đến thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	8,5						
1.1	Đánh giá về vai trò của bộ đối với sự phát triển của ngành, lĩnh vực	1,5						Điều tra xã hội học
1.2	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1						Điều tra xã hội học
1.3	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1						Điều tra xã hội học
1.4	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1						Điều tra xã hội học
1.5	Tính kịp thời trong tổ	2						Điều tra

	chức triển khai các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ							xã hội học
1.6	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	2						Điều tra xã hội học
2	Tác động đến chất lượng quy định TTHC	5,5						
2.1	Mức độ rõ ràng, dễ hiểu về các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1,5						Điều tra xã hội học
2.2	Sự đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1,5						Điều tra xã hội học
2.3	Sự minh bạch, rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quy trình giải quyết TTHC do bộ công bố	1,5						Điều tra xã hội học
2.4	Tính hợp lý về các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1						Điều tra xã hội học
3	Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính	5						
3.1	Đánh giá về thực hiện quy chế làm việc của bộ	1						Điều tra xã hội học
3.2	Tính hợp lý trong phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ	1						Điều tra xã hội học

3.3	Tính hợp lý trong thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện do bộ ban hành	1,5						Điều tra xã hội học
3.4	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa bộ và địa phương	1,5						Điều tra xã hội học
4	Tác động đến chất lượng đội ngũ công chức của bộ	9						
4.1	Đánh giá về năng lực giải quyết công việc của công chức	1,5						Điều tra xã hội học
4.2	Đánh giá về tinh thần trách nhiệm đối với công việc của công chức	2						Điều tra xã hội học
4.3	Đánh giá về thái độ phục vụ của công chức	2						Điều tra xã hội học
4.4	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	1						Điều tra xã hội học
4.5	Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1,5						Điều tra xã hội học
4.6	Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	1						Điều tra xã hội học
5	Tác động đến quản lý tài chính công	4,5						
5.1	Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của bộ	1,5						Điều tra xã hội học
5.2	Tính hiệu quả của việc	1,5						Điều tra

			đánh giá	đánh giá	tra XHH	đạt được		
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA TỈNH	62						
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	8,5						
1.1	Kế hoạch CCHC năm	2						
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)	0,5						
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0</i>							
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	0,5						
	<i>Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: 0,5</i>							
	<i>Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: 0</i>							
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>							
1.2	Thực hiện công tác báo cáo CCHC	2						
1.2.1	Báo cáo CCHC định kỳ	1						
	<i>Đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội dung và thời</i>							

	<i>gian báo cáo theo hướng dẫn: 1</i>							
	<i>Không đáp ứng yêu cầu về số lượng hoặc nội dung hoặc thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 0</i>							
1.2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC	1						
	<i>Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định: 1</i>							
	<i>Điểm tự chấm sai số không quá 3% so với kết quả thẩm định: 0,5</i>							
	<i>Điểm tự chấm sai số trên 3% so với kết quả thẩm định: 0</i>							
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2						
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm	1						
	<i>Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1</i>							
	<i>Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử</i>							

	<i>lý hoặc kiến nghị xử lý:</i> 0,25							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1,5						
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,25</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>							
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1						
	<i>Thực hiện tuyên truyền đầy đủ nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thông: 0,5</i>							
	<i>Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0,5</i>							
1.5	Sáng kiến trong cải cách hành chính	1						
	<i>Có sáng kiến mới trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh trong năm: 1</i>							
	<i>Không có sáng kiến: 0</i>							
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH	7,5						
2.1	<i>Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm</i>	<i>2</i>						

	<i>vi quản lý nhà nước của tỉnh</i>							
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	1,5						
	<i>100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 1,5</i>							
	<i>Từ 90% - dưới 100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 1</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 90 % số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0,5</i>							
	<i>Dưới 80% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0</i>							
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	0,5						
	<i>100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0,5</i>							
	<i>Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0</i>							
2.2	<i>Theo dõi thi hành pháp luật</i>	2,5						
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>							

2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0,5						
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i>							
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>							
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1						
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
2.3	Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1,5						
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5						
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i>							
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>							
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1						

	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
2.4	<i>Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật</i>	1,5						
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0,5						
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i>							
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>							
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát</i>							

	<i>hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	9						
3.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)	2						
3.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>							
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1						
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
3.2	Công bố, cập nhật thủ tục hành chính	2						
3.2.1	Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	1						
	<i>Công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 1</i>							
	<i>Công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0</i>							
3.2.2	Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào Cơ sở dữ liệu	1						

	quốc gia							
	<i>Kịp thời: 1</i>							
	<i>Không kịp thời: 0</i>							
3.3	<i>Công khai thủ tục hành chính</i>	3						
3.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1						
	<i>100% số cơ quan, đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
3.3.2	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.	1						
	<i>100% số cơ quan, đơn vị: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số cơ quan đơn vị: 0</i>							
3.3.3	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1						
	<i>100% số TTHC: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số TTHC: 0</i>							
3.4	<i>Công tác tiếp nhận, xử lý</i>	2						

	<i>phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh</i>							
3.4.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1						
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>							
3.4.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1						
	<i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	6,5						
4.1	<i>Tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy</i>	1,5						
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1,5</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0</i>							
4.2	<i>Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của</i>	2						

	<i>các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện</i>							
4.2.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra	1						
	<i>Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1</i>							
	<i>Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
4.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
4.3	<i>Thực hiện phân cấp quản lý</i>	3						
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	1						
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>							

4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	1						
	<i>Có thực hiện: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1						
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	9,5						
5.1	<i>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</i>	2						
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1						
	<i>100% số cơ quan, tổ chức: 1</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số</i>							

	<i>cơ quan, tổ chức: 0,5</i>							
	<i>Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, tổ chức: 0,25</i>							
	<i>Dưới 60% số cơ quan, tổ chức: 0</i>							
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1						
	<i>100% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Dưới 60% số đơn vị: 0</i>							
5.2	<i>Tuyển dụng công chức, viên chức</i>	1						
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã	0,5						
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	0,5						
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.3	<i>Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh</i>	1						
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	0,5						

	<i>Đúng quy định: 0,5</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0,5						
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương	1						
	<i>100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0</i>							
5.5	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức	0,5						
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch tình giảm biên chế trong năm	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>							
5.7	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1,5						
5.7.1	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	0,5						

	<i>Đúng quy định: 0,5</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>							
5.8	Cán bộ, công chức cấp xã	1,5						
5.8.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	0,5						
	<i>100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,5</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,25</i>							
	<i>Dưới 80% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0</i>							
5.8.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0,5						
	<i>100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,5</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,25</i>							
	<i>Dưới 80% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0</i>							
5.8.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	0,5						
	<i>Từ 70% số cán bộ, công</i>							

	<i>chức trở lên: 0,5</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cán bộ, công chức: 0,25</i>							
	<i>Dưới 50% số cán bộ, công chức: 0</i>							
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	4						
6.1	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính</i>	1						
	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
6.2	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh</i>	3						
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1						
	<i>100% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>							
6.2.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên	1						
	<i>Số đơn vị tăng so với năm trước: 1</i>							
	<i>Số đơn vị không tăng so với năm trước: 0</i>							
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp	0,5						
	<i>100% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0,5</i>							

	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0,25</i>							
	<i>Dưới 80% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0</i>							
6.2.4	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	0,5						
	<i>100% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>							
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	9						
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh	4						
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>							
7.1.2	Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	1						
	<i>Đã ban hành và duy trì, cập nhật theo quy định: 1</i>							
	<i>Đã ban hành nhưng không duy trì, cập nhật</i>							

	<i>theo quy định: 0,5</i>							
	<i>Chưa ban hành Kiến trúc: 0</i>							
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	1						
	<i>Từ 80% số văn bản trở lên: 1</i>							
	<i>Từ 60% - dưới 80% số văn bản: 0,5</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 60% số văn bản: 0,25</i>							
	<i>Dưới 50% số văn bản: 0</i>							
7.1.4	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã)	1						
	<i>Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã: 1</i>							
	<i>Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp huyện: 0,5</i>							
	<i>Chưa thực hiện kết nối liên thông: 0</i>							
7.2	<i>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</i>	3,5						
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1,5						
	<i>Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5</i>							
	<i>Từ 30% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 1</i>							
	<i>Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0,5</i>							
	<i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0</i>							

7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1,5						
	<i>Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5</i>							
	<i>Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 1</i>							
	<i>Từ 10% - dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0,5</i>							
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0</i>							
7.2.3	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	0,5						
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
7.3	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008	1,5						
7.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	0,5						
	<i>100% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
7.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	0,5						

	<i>Từ 70% số đơn vị trở lên: 0,5</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>							
7.3.3	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định	0,5						
	<i>100% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	8						
8.1	<i>Thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</i>	5,5						
8.1.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (sở, ban, ngành) được thực hiện theo cơ chế một cửa	1						
	<i>100% số TTHC: 1</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số TTHC: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 80% số TTHC: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số TTHC: 0</i>							
8.1.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số	1,5						

	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa							
	<i>100% số đơn vị : 1,5</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 60% số đơn vị: 0</i>							
8.1.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa (Không tính các xã thuộc huyện đảo)	1,5						
	<i>100% số đơn vị : 1,5</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 60% số đơn vị: 0</i>							
8.1.4	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	1,5						
	<i>Từ 50 TTHC trở lên: 1,5</i>							
	<i>Từ 30 - 49 TTHC: 1</i>							
	<i>Từ 20- 29 TTHC:0,5</i>							
	<i>Dưới 20 TTHC: 0</i>							
8.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại	1						
	<i>100% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 100% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>							

8.3	Kết quả giải quyết TTHC	1,5						
8.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	0,5						
	<i>100% số cơ quan: 0,5</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan: 0,25</i>							
	<i>Dưới 80% số cơ quan: 0</i>							
8.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	0,5						
	<i>100% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Dưới 80% số đơn vị: 0</i>							
8.3.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	0,5						
	<i>100% số đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,25</i>							
	<i>Dưới 80% số đơn vị: 0</i>							
II	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	38						
1	Tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	3						
1.1	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1,5						

	<i>Cao hơn so với năm trước liền kề: 1,5</i>							
	<i>Bằng so với năm trước liền kề: 1</i>							
	<i>Thấp hơn so với năm trước liền kề: 0</i>							
1.2	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	1,5						
	<i>Tăng từ 30% trở lên so với năm trước liền kề: 1,5</i>							
	<i>Tăng từ 10% - dưới 30% so với năm trước liền kề: 1</i>							
	<i>Tăng dưới 10% so với năm trước liền kề: 0</i>							
2	Tác động đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	5						
2.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1						Điều tra xã hội học
2.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1						Điều tra xã hội học
2.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1						Điều tra xã hội học
2.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	2						Điều tra xã hội học
3	Tác động đến tình hình giải quyết thủ tục hành chính	5,5						
3.1	Đánh giá về cơ sở vật	1,5						Điều tra

	chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả							xã hội học
3.2	Sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin về TTHC	1						Điều tra xã hội học
3.3	Sự đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC	1,5						Điều tra xã hội học
3.4	Tính công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC	1,5						Điều tra xã hội học
4	Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính	4						
4.1	Đánh giá về thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh	1						Điều tra xã hội học
4.2	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh	1,5						Điều tra xã hội học
4.3	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện	1,5						Điều tra xã hội học
5	Tác động đến đội ngũ công chức giải quyết thủ tục hành chính	5,5						
5.1	Đánh giá về năng lực chuyên môn của công chức giải quyết TTHC	1,5						Điều tra xã hội học
5.2	Đánh giá về tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ của công chức giải quyết TTHC	2						Điều tra xã hội học
5.3	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	1						Điều tra xã hội học

5.4	Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	1						Điều tra xã hội học
6	Tác động đến quản lý tài chính công	4,5						
6.1	Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1,5						Điều tra xã hội học
6.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1,5						Điều tra xã hội học
6.3	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1,5						Điều tra xã hội học
7	Tác động đến hiện đại hóa hành chính	4						
7.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1						Điều tra xã hội học
7.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của tỉnh	1						Điều tra xã hội học
7.3	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1						Điều tra xã hội học
7.4	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1						Điều tra xã hội học
8	Tác động đến chất lượng cung cấp dịch công	6,5						
8.1	Đánh giá về chất lượng	2						Điều tra

	cung cấp dịch vụ y tế công lập							xã hội học
8.2	Đánh giá về chất lượng cung cấp dịch vụ giáo dục công lập	2						Điều tra xã hội học
8.3	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công	2,5						Kết quả khảo sát hàng năm của tỉnh
	Đạt từ 80% trở lên: 2,5							
	Đạt từ 60% - dưới 80%: 1,5							
	Đạt dưới 60%: 0							
	TỔNG ĐIỂM (=I + II)	100						